

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 11 – 01 – 2022

V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Bê

2. Ông Nguyễn Việt Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số 266 – 268 X, phường I, quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn V**

Chức vụ: Tổng giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Tấn Đ**

Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ chi nhánh: Số Z, phường Q, quận U, thành phố Cần Thơ.

(Văn bản ủy quyền số: 2791/2019/GUQ.CNCT ngày 30/12/2019)

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Duy T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: K1-9, K1-10, phường W, quận R, thành phố Cần Thơ.

(Văn bản quyền số: 756/2020/UQ-CNCT ngày 19/5/2020)

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị N**, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 502C/6, khu vực J, phường K, quận Y, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A trình bày: Ngày 16/8/2017, bà Phan Thị N có ký với Ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của bà Phan Thị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phan Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 23.201.840 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt, bà Phan Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.219.000 đồng thì không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Phan Thị N vẫn không có thiện chí trả nợ và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/5/2020, bà Phan Thị N còn nợ vốn gốc 22.728.675 đồng và lãi quá hạn số tiền 19.433.124 đồng; tổng cộng bà Phan Thị N còn nợ số tiền 42.161.799 đồng.

Do bà Phan Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng với Ngân hàng đã được nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện và yêu cầu:

Buộc bà Phan Thị N trả ngay cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2020 là 42.161.799 đồng (trong đó, nợ gốc là 22.728.675 đồng và lãi quá hạn là 19.433.124 đồng).

Yêu cầu bà Phan Thị N có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh sau ngày 15/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Phan Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản yêu cầu bị đơn bà Phan Thị N trả ngay cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/01/2022 là 59.350.454 đồng (trong đó vốn gốc 22.728.675 đồng và lãi quá hạn 36.621.779 đồng) và yêu cầu bị đơn bà Phan Thị N có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh sau ngày 11/01/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Phan Thị N vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và hồ sơ vụ án, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với bị đơn bà Phan Thị N có ký hợp đồng cho bị đơn sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 23.201.840 đồng nhưng chỉ thanh toán vốn và lãi cho nguyên đơn với số tiền 6.219.000 đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã được nhắc nhở nhiều lần. Ngày 31/7/2019, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 15/5/2020, bị đơn còn nợ số tiền 22.728.675 đồng vốn gốc và khoản tiền lãi với số tiền 19.433.124 đồng nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo hợp đồng nên buộc bị đơn bà Phan Thị N trả khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 36.621.779 đồng là có căn cứ và tiếp tục có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh tính từ ngày 12/01/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là phù hợp. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với bị đơn bà Phan Thị N có ký hợp đồng cho bà Linh sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức, quá trình sử dụng thẻ bà Linh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; tại phiên tòa, đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Vào ngày 16/8/2017, bị đơn bà Phan Thị N ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Sau khi được kích hoạt thẻ, bị đơn đã sử dụng, giao dịch đến ngày 28/02/2018 với tổng số tiền 23.201.840 đồng, đã thanh toán các khoản phí, vốn và lãi với số tiền 6.219.000 đồng thì bị đơn ngưng giao dịch nhưng không trả lại thẻ tín dụng, không thanh toán nợ cho nguyên đơn; nguyên đơn đã ra thông báo, nhắc nhở nợ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã ký kết. Tính đến ngày 30/6/2018, tổng số tiền bị đơn bà Phan Thị N còn nợ nguyên đơn Ngân hàng TMCP A là 22.728.675 đồng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và trả lại thẻ tín dụng cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã thông báo về việc chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng đối với bị đơn và yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Đến ngày 31/7/2019, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận. Tính đến ngày 15/5/2020, bị đơn bà Phan Thị N còn nợ tổng số tiền là 42.161.799 đồng bao gồm 22.728.675 đồng nợ vốn và

khoản tiền lãi với số tiền 19.433.124 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn bà Phan Thị N là có căn cứ chấp nhận.

Từ ngày 15/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn bà Phan Thị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A; theo đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/5/2020 và tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/01/2022) bị đơn còn nợ tổng khoản tiền lãi với số tiền là 36.621.779 đồng. Do đó, buộc bị đơn bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền là 59.350.454 đồng (trong đó nợ vốn 22.728.675 đồng và nợ lãi 36.621.779 đồng) là phù hợp.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc bị đơn bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 59.350.454 đồng (trong đó 22.728.675 đồng nợ vốn và 36.621.779 đồng nợ lãi) theo hợp đồng đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Bà Phan Thị N phải nộp số tiền 2.967.500 đồng.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại 1.054.045 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004856 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý